TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2019/HS-ST
Ngày: 16-10-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Châu Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đỗ Xuân Hưng;

2/ Bà Lê Thị Ngọc Sương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 182/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Thị Hoài T**, sinh năm 1988 tại tỉnh Nghệ An. Nơi ĐKHKTT: Xóm X, xã B, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Tạm trú: Khu X, phường P1, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Đức H và bà Nguyễn Thị N; có chồng Nguyễn Thiện C và 02 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Ngày 25/12/2015, Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Bản án số 307/2015/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/4/2016; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1987; địa chỉ: Khu Y, phường P2, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Thanh B, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu Y, phường P2, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8/2017, T biết được chị N có nhu cầu mua đất nên nảy sinh ý định lừa chị N để lấy tiền tiêu xài. Để thực hiện ý định, T nói với chị N là có ông anh có thể mua giúp miếng đất gần trường mầm non TL thuộc phường P1, thành phố T với giá 700.000.000 đồng thì chị N đồng ý nhờ T mua giúp. Ngày 01/10/2017, T đến ki ốt của chị N yêu cầu chị N đặt cọc tiền mua đất thì chị N giao cho T số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Sau khi nhận được tiền, T đã tiêu xài hết số tiền này. Đến ngày 01/11/2017, T tiếp tục đến ki ốt của chị N nói với chị N là cần thêm tiền đặt cọc mua đất thì chị N đưa cho T số vàng gồm: 01 (một) chiếc lắc tay khoen lật loại vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, 04 chiếc nhẫn vàng loại vàng 9999 trọng lượng 12 chỉ, 21 chiếc vòng ximen loại vàng 18k trọng lượng 10 chỉ 08 phân, 02 chiếc nhẫn loại vàng 18k trọng lượng 01 chỉ 06 phân, 01 đôi bông tai loại vàng 18k trọng lượng 09 phân. Sau khi lừa chị N giao vàng, T đến tiệm vàng T thuộc phường P1, thành phố T, tỉnh Bình Dương để cầm vàng lấy tiền tiêu xài. Tại đây, T tự xưng tên là Lê Thùy L và cầm 01 chiếc lắc tay khoen lật loại vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, 01 chiếc nhẫn loại vàng 18k trọng lượng 08 phân cùng sợi dây chuyền loại vàng 18k, một dây chuyền loại vàng 18k (sợi dây chuyền loại vàng 18k, mặt dây chuyền loại vàng 18k là của T) được số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Đến ngày 03/11/2017, T đến tiệm vàng P thuộc phường P3, thành phố T, tỉnh Bình Dương. T tiếp tục tự xưng tên là Lê Thùy L và cầm 21 chiếc vòng xi men loại vàng 18k trọng lượng 10 chỉ 8 phân được số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Ngày 05/11/2017, T đến tiệm vàng K thuộc phường P4, thành phố T, tỉnh Bình Dương bán 04 chiếc nhẫn vàng loại vàng 9999 trọng lượng 12 chỉ giá 35.000.000 đồng. Khi T đem 04 chiếc nhẫn đem đi bán T có bỏ 1 chiếc nhẫn loại vàng 18k cùng một đôi bông tai loại vàng 18k trong túi áo nhưng rơi mất. Sau nhiều lần yêu cầu T cho xem đất nhưng T tìm nhiều lý do để từ chối, đến ngày 27/3/2018, chị N nghi ngờ T lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị nên đến Công an phường P1, thành phố T tố cáo hành vi của T. Cùng ngày, Công an phường P1 thành phố T đã mời T về trụ sở làm việc. Tại đây, T thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tạm giữ của T: 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh.

Ngày 10/10/2018, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Thủ Dầu Một gửi công văn đến Sở tài chính tỉnh Bình Dương đề nghị cung cấp giá vàng từ ngày 30/10/2017 đến ngày 05/11/2017. Ngày 15/10/2018, Sở tài chính tỉnh Bình Dương gửi công văn cung cấp giá vàng như sau: Giá bán ra vàng nhẫn 99,9% (24k) là 3.570.000 đồng/chỉ quy đổi ra vàng 18k là 2.677.500 đồng/chỉ.

Căn cứ công văn của Sở tài chính tỉnh Bình Dương xác định giá trị số vàng T chiếm đoạt là 96.300.750 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị N số tiền là 276.300.750 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

Từ ngày 04/4/2018 đến ngày 05/7/2019, Phan Thị Hoài T đã tự nguyện giao nộp số tiền 62.000.000 đồng (sáu mươi hai triệu đồng) để bồi thường cho chị Nguyễn Thị N. Ngày 05/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả số tiền này cho chị Nguyễn Thị N. Đến ngày

07/9/2019, Phan Thị Hoài T đã tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) cho anh Trần Thanh B, sinh năm 1981, ngụ tại số 10/13 Khu Y, phường P2, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (anh B là chồng của chị N). Chị N yêu cầu T bồi thường cho chị số tiền 204.300.750 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu ba trăm ngàn bảy trăm năm mươi đồng) còn lại mà T đã chiếm đoạt của chị N.

Đối với 01 (một) chiếc lắc tay khoen lật loại vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, 04 chiếc nhẫn vàng loại vàng 9999 trọng lượng 12 chỉ, 21 chiếc vòng ximen loại vàng 18k trọng lượng 10 chỉ 08 phân, 02 chiếc nhẫn loại vàng 18k trọng lượng 01 chỉ 06 phân, 01 đôi bông tai loại vàng 18k trọng lượng 09 phân, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã đến tiệm vàng T và tiệm vàng P để thu hồi tang vật nhưng không thu hồi được. Đồng thời, bà Đỗ Minh N, sinh năm 1968, ngụ tại xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương là chủ tiệm vàng P và bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1979, ngụ tại khu Z, phường P2, thành phố T, tỉnh Bình Dương là chủ tiệm vàng T đều khai không biết số vàng Phan Thị Hoài T đem bán là tài sản do T phạm tội mà có nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của Phan Thị Hoài T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã giao trả cho T theo Quyết định xử lý vật chứng số 118 ngày 30/7/2018.

Cáo trạng số 194/CT-VKS-HS ngày 10/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Phan Thị Hoài T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 204.300.750 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu ba trăm ngàn bảy trăm năm mươi đồng) còn lại mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Về biện pháp tư pháp: Không có.

Tại phần tranh luận, bị cáo không tranh luận với Viện Kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi sai trái của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tuy tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 có hiệu lực thi hành nhưng mức hình phạt quy định về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 không bất lợi hơn khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi 2017, xem xét áp dụng khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 01/10/2017 đến ngày 01/11/2017, Phan Thị Hoài T đã có hành vi gian dối để chiếm đoạt các tài sản gồm: Số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) và số vàng trị giá 96.300.750 đồng (Chín mươi sáu triệu ba trăm ngàn bảy trăm năm mươi đồng), gồm: 01 (một) chiếc lắc tay khoen lật loại vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, 04 chiếc nhẫn vàng loại vàng 9999 trọng lượng 12 chỉ, 21 chiếc vòng ximen loại vàng 18k trọng lượng 10 chỉ 08 phân, 02 chiếc nhẫn loại vàng 18k trọng lượng 01 chỉ 06 phân, 01 đôi bông tai loại vàng 18k trọng lượng 09 phân của chị Nguyễn Thị N. Tổng giá trị tài sản T chiếm đoạt là 276.300.750 đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm ngàn bảy trăm năm mươi đồng). Như vậy, hành vi mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội do

cố ý. Đây là tình tiết tăng nặng "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và bị cáo đã bồi thường số tiền 72.000.000 đồng cho bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ phạm tội cũng như tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền tiền 204.300.705 đồng còn lại. Bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Phan Thị Hoài T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2/ Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Hoài T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 204.300.750 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu ba trăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4/ Về biện pháp tư pháp: Không có.

5/ Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 10.215.000 đồng (mười triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THA thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Châu Giang